

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI
KHOA LUẬT**

HOÀNG HỒNG PHƯƠNG

**THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN
ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT**

Chuyên ngành : Lý luận và lịch sử nhà nước và pháp luật

Mã số : 60 38 01

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - 2011

**Công trình được hoàn thành
tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội**

Người hướng dẫn khoa học: GS.TS Phạm Hồng Thái

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn được bảo vệ tại Hội đồng chấm luận văn, họp tại Khoa Luật - Đại học Quốc gia Hà Nội.

Vào hồi giờ, ngày tháng năm 2011.

**Có thể tìm hiểu luận văn
tại Trung tâm tư liệu - Thư viện Đại học Quốc gia Hà Nội
Trung tâm tư liệu - Khoa Luật Đại học Quốc gia Hà Nội**

MỤC LỤC CỦA LUẬN VĂN

	Trang
<i>Trang phụ bì</i>	
<i>Lời cam đoan</i>	
<i>Mục lục</i>	
MỞ ĐẦU	1
Chương 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT	5
1.1. Khái niệm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	5
1.2. Nội dung nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	12
1.2.1. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử	12
1.2.2. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử chỉ tuân theo pháp luật	23
1.2.3. Mối quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm	28
1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật	30
Chương 2: THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT	33
2.1. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật và nguyên nhân	33
2.1.1. Một số biểu hiện của việc không độc lập và tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm	33
2.1.2. Nguyên nhân của thực trạng	47
2.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật"	67
2.2.1. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật	68
2.2.2. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ	72
2.2.3. Về đạo đức Thẩm phán và Hội thẩm	74
2.2.4. Về tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án	76
2.2.5. Về các giải pháp khác	80
KẾT LUẬN	83
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	86

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Tòa án là cơ quan có chức năng đặc biệt trong bộ máy nhà nước Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và chỉ Tòa án mới có quyền phán quyết một người có tội hay không có tội. Tòa án xét xử và giải quyết những vụ án hình sự, dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh thương mại, hành chính và giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật.

Trong phạm vi chức năng của mình, Tòa án có nhiệm vụ bảo vệ pháp chế xã hội chủ nghĩa, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền làm chủ của nhân dân, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể, bảo vệ tính mạng, tài sản, tự do, danh dự và nhân phẩm của công dân. Bằng chính hoạt động của mình, Tòa án góp phần giáo dục công dân trung thành với Tổ quốc, chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, tôn trọng những nguyên tắc của cuộc sống xã hội, ý thức đấu tranh phòng ngừa và chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác. Để đảm bảo cho Tòa án thực hiện đúng chức năng của mình, Hiến pháp cùng nhiều văn bản luật có quy định những nguyên tắc cơ bản cho cơ quan đặc biệt này.

Nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" là một trong những nguyên tắc cơ bản để Tòa án thực hiện nhiệm vụ xét xử, thể hiện quan điểm của Nhà nước trong hoạt động xét xử, Hội thẩm và Thẩm phán có quyền đưa ra phán quyết trên cơ sở quyết định của pháp luật để giải quyết vụ án một cách khách quan và chính xác mà không phải phụ thuộc vào bất cứ sự tác động nào khác. Đây là một nguyên tắc Hiến định được ghi nhận từ rất sớm và phát triển cùng Hiến pháp và pháp luật. Mặc dù được quy định trong hiến pháp và nhiều văn bản luật khác nhưng trên thực tế việc áp dụng nguyên tắc này còn nhiều bất cập, chưa thực sự đem lại hiệu quả thiết thực trong quá trình Tòa án giải quyết các vụ việc. Đặc biệt theo tinh thần Nghị quyết 49/NQ-TW của Bộ Chính trị ngày 02/06/2005 về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 thì việc đi sâu nghiên cứu nguyên tắc "***Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật***" là vấn đề có ý nghĩa thiết thực phục vụ cho quá trình nghiên cứu về mặt lý luận cũng như thực tiễn.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" không còn là vấn đề là mới, trong thời gian qua đã có rất nhiều những bài viết, những công trình nghiên cứu tìm hiểu về vấn đề này, như: Khóa luận tốt nghiệp: "*Khi xét xử thẩm phán, hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*", của Hàn Mạnh Thắng, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1997; Luận văn "*Nguyên tắc khi xét xử Thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong tổ tụng dân sự*", của Trần Thị Nhung San, Trường Đại học Luật Hà Nội, 1995; "*Bảo đảm nguyên tắc khi xét xử thẩm phán và hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*", của Trần Văn Kiêm, Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, Số 1(186), 2011; "*Nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật và chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của tòa án*", của Đỗ Thị Phương, Đề tài nghiên cứu khoa học, Viện Khoa học xét xử - Tòa án nhân dân tối cao; cùng nhiều những bài viết được đăng trên các tạp chí chuyên ngành khác.

Trên cơ sở tiếp thu, tổng hợp những đề tài, bài viết trước, cùng với sự tìm tòi, và quá trình nghiên cứu của mình, tác giả đi vào phân tích nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", để thấy rằng, việc áp dụng nguyên tắc này thực tế vẫn còn nhiều bất cập và đưa ra những giải pháp thích hợp để nguyên tắc được thực thi có hiệu quả hơn. Đề tài lựa chọn của tác giả cũng nhằm mục đích

khẳng định đường lối chủ trương của Đảng trong cải cách tư pháp là đúng đắn, kịp thời và nên được thống nhất thực hiện.

3. Mục đích và nhiệm vụ của đề tài

- Nghiên cứu những vấn đề lý luận cơ bản về nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" trong hoạt động xét xử nhằm làm rõ khái niệm, nội dung và ý nghĩa;

- Trên cơ sở các quan điểm lý luận, bài viết nêu lên những vấn đề mang tính thực tế của Việt Nam trong lĩnh vực cũng như hiện tại về vấn đề "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", quan điểm chỉ đạo của Đảng hiện nay và việc áp dụng nguyên tắc trên trong thời gian tới tại Việt Nam, những khó khăn và thuận lợi tác động tới việc áp dụng nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" tại Việt Nam, từ đó đưa ra một số đề xuất nhằm góp phần vào quá trình nghiên cứu cũng như trên thực tế áp dụng.

4. Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Luận văn đi sâu nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn của nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" trong hoạt động xét xử. Nguyên tắc được ghi nhận trong Hiến pháp và được cụ thể hóa trong rất nhiều các văn bản luật: Luật tổ chức tòa án, Luật tố tụng dân sự, tố tụng hình sự, Pháp lệnh thẩm phán và hội thẩm nhân dân...

Đề tài được nghiên cứu dựa trên cơ sở phương pháp luận của triết học Mác - Lênin mà cụ thể là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, đồng thời sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học chủ yếu: phân tích, tổng hợp, so sánh, logic biện chứng, hệ thống.

5. Điểm mới của đề tài

Do nghiên cứu đề tài ở phạm vi hẹp nên luận văn có điều kiện đi sâu xem xét nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" ở Việt Nam, đồng thời nêu lên thực tế áp dụng nguyên tắc này của ngành tư pháp nói chung và trong hoạt động xét xử của Tòa án nói riêng. Trên cơ sở đó luận văn đưa ra một số giải pháp, kiến nghị mang tính xây dựng nhằm hoàn thiện hơn quy định của pháp luật về vấn đề này góp phần vào quá trình cải cách tư pháp trong thời gian tới tại Việt Nam.

6. Kết cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 2 chương:

Chương 1: Những vấn đề chung về nguyên tắc "thẩm phán, hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Chương 2: Thực tiễn áp dụng và một số giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc "thẩm phán, hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Chương 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ NGUYÊN TẮC THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT

1.1. Khái niệm nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Theo Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Tòa án nhân dân tối cao, các Tòa án nhân dân địa phương, các Tòa án quân sự và các Tòa khác do luật

định là các cơ quan xét xử của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Tòa án nhân dân có vai trò quan trọng trong việc giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, tạo môi trường ổn định cho sự phát triển kinh tế, xã hội, chủ động hội nhập kinh tế và khu vực, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Tòa án nhân dân là chỗ dựa của nhân dân trong việc bảo vệ công lý, quyền của con người và đồng thời là công cụ hữu hiệu bảo vệ pháp luật và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đấu tranh có hiệu quả với các loại tội phạm.

Tòa án xét xử những vụ án hình sự; những vụ án dân sự (bao gồm những tranh chấp về dân sự, những tranh chấp về hôn nhân và gia đình; những tranh chấp về kinh doanh, thương mại; những tranh chấp về lao động); giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, xem xét và kết luận việc đình công hợp pháp hay không hợp pháp. Tòa án giải quyết những việc khác theo quy định của pháp luật (giảm hình phạt, miễn hình phạt, ra quyết định thi hành án hình sự, ra quyết định xóa án tích...).

Trong nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, vị trí, vai trò của Tòa án lại càng được khẳng định. Vì Tòa án chính là cơ quan thực thi quyền tư pháp trong bộ máy nhà nước và việc thực thi này ảnh hưởng trực tiếp tới mục tiêu và các giá trị của công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam, Tòa án là cơ quan duy nhất có quyền xét xử và tuyên có tội hay không có tội, quyết định mức hình phạt và các vấn đề khác liên quan đến các quyền của công dân như bồi thường, biện pháp ngăn chặn, án phí,... Chủ thể được nhà nước trao quyền nhân danh nhà nước để thực hiện việc xét xử đó là Thẩm phán và Hội thẩm. Do tính chất quan trọng của hoạt động xét xử nên pháp luật quy định xét xử phải tuân theo những trình tự thủ tục và những nguyên tắc nhất định. Một trong những nguyên tắc đó là "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

Hiện nay, khái niệm "xét xử" vẫn chưa được hiểu một cách thống nhất. Xét xử hiểu theo nghĩa rộng là chức năng của Tòa án. Cũng như bất kỳ cơ quan nhà nước nào khác, Tòa án đều phải quản lý cán bộ, quản lý ngân sách và cơ sở vật chất của đơn vị; Tòa án phối hợp với các cơ quan nhà nước, các tổ chức xã hội trong việc tuyên truyền và bảo vệ pháp luật. Tuy nhiên, hoạt động chủ yếu của Tòa án vẫn là xét xử các vụ án hình sự, dân sự, kinh tế, lao động, hành chính và giải quyết các việc khác theo quy định của pháp luật. Đó chính là sự tổng hợp một chuỗi hoạt động của Tòa án kể từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến khi ra bản án, ra quyết định thi hành án (đối với vụ án hình sự) hoặc ra quyết định nhằm giải quyết vụ án. Như vậy, hoạt động xét xử là xem xét và giải quyết vụ án.

Hiểu theo nghĩa hẹp thì xét xử là hoạt động của Thẩm phán và Hội thẩm tại phiên tòa mà kết quả của hoạt động này, là ra bản án hoặc quyết định để giải quyết vụ án. Với cách hiểu này, có ý kiến cho rằng: "Độc lập xét xử là một nguyên tắc có tính đặc thù, chỉ có thể được áp dụng đối với Thẩm phán và Hội thẩm trong khi xét xử".

"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập với nhau và chỉ tuân theo pháp luật" là nguyên tắc được đề cao trong hoạt động xét xử. Tuy nhiên, "xét xử" trong nguyên tắc trên hiểu theo nghĩa thứ nhất hoặc thứ hai đều chưa chuẩn xác, bởi lẽ:

Theo nghĩa thứ nhất, hoạt động xét xử kể từ thời điểm thụ lý, khi đó mới phát sinh vị trí pháp lý của Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, vị trí pháp lý của Hội thẩm lại xuất hiện muộn hơn, đó là thời điểm có quyết định phân công xét xử của Chánh án và Thẩm phán ra quyết định đưa vụ án ra xét xử.

Nếu theo nghĩa thứ hai, hoạt động xét xử chỉ diễn ra tại phiên tòa, trong khi đó vị trí pháp lý của Thẩm phán và Hội thẩm lại xuất hiện sớm hơn. Hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm chủ yếu diễn ra tại phiên tòa, song trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Hội thẩm cũng có những hoạt động tác nghiệp khác hỗ trợ cho hoạt

động xét xử tại phiên tòa như nghiên cứu hồ sơ, xác minh, thu thập chứng cứ và các công việc cần thiết khác.

Vì vậy, có thể hiểu, *xét xử của Hội thẩm và Thẩm phán là các hoạt động kể từ thời điểm họ được giao nhiệm vụ xét xử vụ án khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến khi kết thúc phiên tòa (đối với vụ án hình sự, Chánh án còn phải ra quyết định thi hành án hình sự) bao gồm hoạt động xem xét đánh giá chứng cứ tại phiên tòa và các hoạt động hỗ trợ khác để đưa ra quyết định, bản án giải quyết vụ án.*

Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật nghĩa là phải tự mình đưa ra kết luận giải quyết vấn đề trên cơ sở quy định của pháp luật mà không phụ thuộc vào bất kỳ yếu tố nào khác. Đó là những tư tưởng chủ đạo, định hướng trở thành xử sự bắt buộc chung đối với Thẩm phán và Hội thẩm khi được phân công xét xử vụ án.

Từ những vấn đề nêu trên, có thể đưa ra khái niệm nguyên tắc như sau: *Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật là những tư tưởng chủ đạo có tính bắt buộc thể hiện quan điểm của nhà nước trong hoạt động xét xử, được quy định trong pháp luật tố tụng, theo đó chỉ có Thẩm phán và Hội thẩm (Hội đồng xét xử) mới có quyền đưa ra phán quyết trên cơ sở quy định của pháp luật để giải quyết vụ án một cách khách quan, chính xác (mà không chịu chi phối bởi bất kỳ một sự tác động nào).*

1.2. Nội dung nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

1.2.1. Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập khi xét xử

Độc lập nghĩa là tự đưa ra quyết định dựa trên những chứng cứ và quy định của pháp luật để đưa ra quyết định về vụ án mà không phụ thuộc vào bất cứ sự tác động nào khác. Lấy chủ thể của hoạt động xét xử để nghiên cứu thì sự độc lập được biểu hiện trên hai khía cạnh: Độc lập với các yếu tố khách quan và độc lập với yếu tố chủ quan.

• Độc lập với các yếu tố khách quan:

Độc lập với các yếu tố khách quan bao gồm:

- Độc lập với các chủ thể khác của Tòa án.
- Độc lập với sự chỉ đạo của cấp ủy Đảng
- Độc lập với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án
- Độc lập với yêu cầu của những người tham gia tố tụng, với dư luận và với cơ quan báo chí

• Độc lập với các yếu tố chủ quan (độc lập giữa các thành viên của Hội đồng xét xử):

Cơ sở pháp lý của việc độc lập xét xử giữa Thẩm phán và Hội thẩm được ghi nhận hình thành những nguyên tắc của luật tố tụng, đó là: Việc xét xử của Tòa án nhân dân có Hội thẩm nhân dân tham gia, của Tòa án quân sự có Hội thẩm quân nhân tham gia. Khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán, Luật quy định Thẩm phán và Hội thẩm ngang quyền nhau trong xét xử, có nghĩa là mỗi một thành viên của Hội đồng xét xử có quyền ngang nhau trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra kết luận vụ án. Việc đánh giá chứng cứ, kết luận được thực hiện một cách độc lập, Thẩm phán không được phép chỉ đạo cho Hội thẩm trong việc định tội danh, quyết định hình phạt. Hội thẩm cũng không được có thái độ ỷ lại Thẩm phán mà phải tích cực, chủ động và có trách nhiệm trong hoạt động chứng minh tội phạm. Trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán tạo mọi điều kiện để Hội thẩm nghiên cứu hồ sơ nhanh và vẫn đầy đủ. Trong trường hợp cần thiết, Thẩm phán phải cung cấp và hướng dẫn Hội thẩm xem những văn bản tài liệu liên quan

đến việc giải quyết vụ án. Trong khi nghiên cứu hồ sơ, Thẩm phán không được đưa ra những ý kiến, nhận định chủ quan của riêng mình để có thể ảnh hưởng đến sự đánh giá chứng cứ của Hội thẩm. Tại phiên tòa, Thẩm phán điều khiển phiên tòa trong việc xét hỏi, tranh luận, nghị án để đảm bảo hoạt động xét xử đi đúng trọng tâm, xác định những việc cần làm để chứng minh tội phạm, và không được hạn chế việc xét hỏi của Hội thẩm nếu những câu hỏi đó nhằm làm rõ các tình tiết khách quan của vụ án.

1.2.2. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử chỉ tuân theo pháp luật

Nội dung không kém phần quan trọng của nguyên tắc, đó là việc xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật. Khi xét xử, Tòa án không có cấp trên, cấp trên của Hội đồng xét xử chính là pháp luật. Khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân không bị ràng buộc, không bị chi phối bởi bất kỳ ý kiến của ai. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân không được can thiệp hoặc tác động vào các thành viên của Hội đồng xét xử để ép họ phải xét xử vụ án theo ý chủ quan của mình. Mọi hành động can thiệp dưới bất kỳ hình thức nào đều làm ảnh hưởng tới tính khách quan của vụ án và đều bị coi là bất hợp pháp. Khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập không có nghĩa là xét xử tùy tiện mà việc xét xử phải tuân theo pháp luật, có thể tham khảo ý kiến của các cơ quan chuyên môn, của bất kỳ ai và phải nắm bắt dư luận xã hội, nhưng khi quyết định, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân phải thể hiện bản lĩnh nghề nghiệp của mình, xem xét mọi vấn đề một cách độc lập, không được để cho ý kiến bên ngoài làm ảnh hưởng tới tính khách quan của vụ án. Khía cạnh này của nguyên tắc đòi hỏi Thẩm phán và Hội thẩm không một bước xa rời pháp luật, không có bất kỳ một sự lẩn tránh nào đối với pháp luật, không tha thứ cho bất kỳ một hành vi vi phạm pháp luật nào. Đó là đòi hỏi có tính chất bắt buộc đối với Thẩm phán và Hội thẩm.

Nội dung Thẩm phán và Hội thẩm chỉ tuân theo pháp luật biểu hiện ở những vấn đề sau:

- Sự tuân theo pháp luật hình sự.
- Sự tuân theo pháp luật tố tụng hình sự.
- Sự tuân theo các văn bản pháp luật khác có liên quan

1.2.3. Mối quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm

Độc lập là biểu hiện của tuân theo pháp luật. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập là một phần nội dung của nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật", Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với nhau, độc lập với các yếu tố khác. Độc lập trong xét xử không những được quy định thành nguyên tắc của bộ luật tố tụng hình sự, được ghi nhận trong Hiến pháp, luật tổ chức Tòa án mà nó còn được thể hiện ở những điều luật quan trọng khác của luật tố tụng hình sự như các điều luật về nghị án, về giới hạn xét xử, về giám đốc thẩm. Nếu Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, không chịu bất cứ sự tác động nào thì phán quyết của Hội đồng xét xử mới có tính khách quan, vô tư, quyết định của Hội đồng xét xử mới đảm bảo đúng pháp luật. Độc lập là điều kiện cần thiết để Thẩm phán và Hội thẩm tuân theo pháp luật. Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập chính là biểu hiện và bảo đảm của việc tuân theo pháp luật.

Tuân theo pháp luật là cơ sở để thể hiện tính độc lập trong xét xử. Xét khía cạnh thuần túy của tính độc lập, để có thể tự mình đưa ra phán quyết, Thẩm phán và Hội thẩm phải có kiến thức pháp luật và phải chấp hành quy định của pháp luật. Kiến thức pháp luật như đã phân tích ở trên là những kiến thức về khoa học luật hình sự và các kiến thức về luật chuyên ngành. Tuân theo pháp luật là làm theo những quy định của

pháp luật (bao hàm cả pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự cũng như các luật chuyên ngành). Khi nắm chắc kiến thức pháp luật, Thẩm phán và Hội thẩm có điều kiện để thể hiện sự độc lập trong phán quyết của mình.

Độc lập trong thống nhất với việc chỉ tuân theo pháp luật. Như đã phân tích ở trên, độc lập không có nghĩa là thoát ly khỏi những quy định của pháp luật và tuân theo pháp luật, mà không có sự độc lập thì chỉ là sự tuân theo một cách hình thức không có hiệu quả. Độc lập nhưng phải trên cơ sở những quy định của pháp luật. Mọi kết luận của bản án, quyết định của Hội đồng xét xử phải phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án. Bản án phải xác định đúng người phạm tội, đúng hành vi phạm tội, đúng những thiệt hại do tội phạm gây ra. Mỗi nhận định của bản án đều phải dựa trên những chứng cứ và tình tiết xác thực đã được thẩm tra tại phiên tòa có lập luận chặt chẽ, không kết luận dựa trên ý chí chủ quan, cảm tính cá nhân của mỗi thành viên Hội đồng xét xử. Yếu tố độc lập và tuân theo pháp luật không thể tách rời nhau.

Độc lập mà không theo pháp luật thì độc lập trong xét xử sẽ không còn ý nghĩa vì sự xét xử tùy tiện, độc đoán, không tránh khỏi sự chủ quan, cảm tính khi đánh giá vấn đề.

Có thể nói rằng, yếu tố độc lập và chỉ tuân theo pháp luật có mối quan hệ biện chứng với nhau, độc lập trong sự thống nhất với việc tuân theo pháp luật.

1.3. Ý nghĩa của nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật

Nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" có ý nghĩa đặc biệt quan trọng trong hoạt động xét xử của Tòa án, có thể khái quát ý nghĩa của nguyên tắc thành ba nhóm như sau:

- *Ý nghĩa chính trị-xã hội*: Nguyên tắc xác định vai trò, vị trí của cơ quan tòa án trong hệ thống các cơ quan nhà nước nói chung và cơ quan tiến hành tố tụng nói riêng. Chỉ có Tòa án mới có quyền xét xử và khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật. Không một cá nhân, cơ quan, tổ chức nào được phép can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án và hoạt động xét xử của Tòa án (cụ thể là của Thẩm phán và của Hội thẩm) phải đảm bảo sự độc lập trên cơ sở chỉ tuân theo pháp luật, không tuân theo bất cứ sự chỉ đạo khác nào ngoài pháp luật, trái pháp luật. Nguyên tắc đảm bảo cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật. "Quan chức" cũng như "thường dân", khi phạm tội đều bị đưa ra xét xử bởi Tòa án trên cơ sở những quy định của pháp luật mà không có một đặc ân nào.

Hoạt động xét xử không phải là hoạt động của một cá nhân mà là hoạt động của tập thể, không chỉ là hoạt động của "quan tòa" mà còn có sự tham gia giám sát, tham gia xét xử của nhân dân thông qua những người đại diện của họ, đó là Hội thẩm, Nguyên tắc đã gián tiếp thể hiện bản chất nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước do nhân dân làm chủ, nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của nhà nước, trong đó có hoạt động xét xử.

- *Ý nghĩa pháp lý*: Nguyên tắc là cơ sở pháp lý để Thẩm phán và Hội thẩm tiến hành hoạt động xét xử được khách quan, đúng pháp luật. Đây cũng là cơ sở đảm bảo Hiến pháp và pháp luật được thực thi một cách nghiêm túc bởi những người thi hành pháp luật và những người xét xử hành vi vi phạm pháp luật. Nói cách khác, pháp luật chỉ có ý nghĩa và có tác dụng khi nguyên tắc "độc lập xét xử" được tuân thủ một cách triệt để. Độc lập và chỉ tuân theo pháp luật khi xét xử vừa là quyền, đồng thời đó cũng là nghĩa vụ của Thẩm phán và Hội thẩm.

- *Ý nghĩa đối với hoạt động thực tiễn*: Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và

chỉ tuân theo pháp luật đảm bảo việc xét xử khách quan, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật; Nguyên tắc này loại trừ các sự tác động không cần thiết, thậm chí tiêu cực của các cơ quan, tổ chức khác đến Hội đồng xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm, đảm bảo sự bình đẳng, độc lập giữa các thành viên của Hội đồng xét xử.

Chương 2

THỰC TIỄN ÁP DỤNG VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO HIỆU QUẢ THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC THẨM PHÁN, HỘI THẨM NHÂN DÂN ĐỘC LẬP VÀ CHỈ TUÂN THEO PHÁP LUẬT

2.1. Thực tiễn áp dụng nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật và nguyên nhân

"Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" khi xét xử là một nguyên tắc quan trọng đối với hoạt động xét xử của Tòa án, nguyên tắc được ghi nhận từ rất sớm trong Hiến pháp và pháp luật. Trên thực tế, nguyên tắc này đã được các chủ thể của hoạt động xét xử thực thi khá hiệu quả, đảm bảo hoạt động xét xử của Tòa án được khách quan, đúng pháp luật, hạn chế đến mức tối đa oan sai, thiếu chính xác. Tuy nhiên, bên cạnh đó vẫn còn có những biểu hiện của việc làm trái nguyên tắc, ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của Tòa án, xâm phạm đến quyền và lợi ích của công dân, gây dư luận xấu và bất bình trong quần chúng nhân dân.

2.1.1. Một số biểu hiện của việc không độc lập và tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm

Qua nghiên cứu, tìm hiểu hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm trên thực tế có thể thấy rằng, việc chưa tuân thủ nguyên tắc "độc lập khi xét xử" được biểu hiện khác đa dạng song có thể khái quát ở những biểu hiện chủ yếu sau:

Thứ nhất, hoạt động xét xử chủ yếu là hoạt động của Thẩm phán, Hội thẩm chưa phát huy hết quyền năng được giao khi thực hiện nhiệm vụ xét xử.

Thứ hai, Thẩm phán và Hội thẩm quá lệ thuộc vào kết quả điều tra ban đầu, tức là lệ thuộc những thông tin, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Thứ ba, có sự thống nhất chứng cứ và định hướng trước việc xét xử. Đó là việc họp ba ngành Công an, Viện kiểm sát, Tòa án để thống nhất áp dụng tội danh, họp bàn án trong nội bộ cơ quan, thỉnh thị án cấp trên trước khi xét xử.

Thứ tư, có sự tác động từ các nhân tố bên ngoài đến hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm.

2.1.2. Nguyên nhân của thực trạng

Mỗi một biểu hiện của việc không tuân thủ nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" trong hoạt động tố tụng đều có thể do một hay nhiều nguyên nhân sinh ra. Có thể khái quát những nguyên nhân của thực trạng nêu trên như sau:

Nguyên nhân từ yếu tố pháp luật: Đây là yếu tố đầu tiên có ảnh hưởng đến nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Sở dĩ có việc Thẩm phán, Hội thẩm áp dụng pháp luật một cách tùy tiện, có sự không độc lập, có sự thống nhất chứng cứ bằng cuộc họp liên ngành, thỉnh thị án, có sự tác động của các cá nhân khác đến hoạt động xét xử, trước hết do hệ thống pháp luật chưa rõ ràng, cụ thể, chưa có những chế tài cần thiết. Cơ sở của việc xây dựng Nhà nước pháp quyền là phải có hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, đồng bộ, phù hợp, các đạo luật và luật chiếm đa số; ba ngành lập pháp, hành pháp, tư pháp phải độc lập với nhau, kiểm chế nhau, vai trò Tòa án được đề cao, hệ thống Tòa án phải độc lập, vững mạnh và phải có sức

manh để buộc các cơ quan nhà nước và cá nhân phải chấp hành pháp luật, pháp luật phải công khai, minh bạch. Điều kiện để Thẩm phán, Hội thẩm xét xử chỉ tuân theo pháp luật thì trước hết pháp luật phải hoàn chỉnh, thống nhất, rõ ràng. Pháp luật hiện tại của Việt Nam chưa đạt đến chuẩn đó. Một nền pháp luật chưa hoàn chỉnh tại một thời điểm nhất định sẽ là tất yếu nhưng nó quá lạc hậu so với sự phát triển của cơ sở hạ tầng thì sẽ không tốt cho hoạt động tư pháp. Nói đến mặt hạn chế của pháp luật Việt Nam thì có nhiều nhưng trong giới hạn luận văn, tác giả chỉ đề cập đến một số ít các quy định của pháp luật có ảnh hưởng trực tiếp đến nguyên tắc "Thẩm phán và Hội thẩm độc lập với nhau khi xét xử và chỉ tuân theo pháp luật".

Thứ nhất, nhiều quy định trong luật nội dung (Bộ luật hình sự) còn chưa rõ, cần phải có văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật. Có những hướng dẫn kịp thời nhưng cũng có những vấn đề chưa được hướng dẫn gây khó khăn cho hoạt động xét xử.

Thứ hai, một số quy định trong bộ luật tố tụng hình sự còn ảnh hưởng đến nguyên tắc "Độc lập xét xử". Đó là các quy định về giới hạn xét xử của Tòa án, Điều 196 Bộ luật tố tụng hình sự quy định tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố hoặc Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tòa án có thể xét xử bị cáo theo khoản khác với khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố trong cùng một điều luật hoặc về một tội khác bằng hoặc nhẹ hơn tội mà Viện kiểm sát truy tố.

Nguyên nhân từ yếu tố đạo đức nghề nghiệp: Đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán là một loại hình đạo đức nghề nghiệp được hình thành và phát triển gắn liền với hoạt động nghề nghiệp của Thẩm phán, đó là hoạt động xét xử. Đạo đức nghề nghiệp của Thẩm phán, Hội thẩm được hình thành và tạo nên bởi các yếu tố: Trình độ chuyên môn nghiệp vụ, bản lĩnh nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và đạo đức của một công dân. Tài và đức thực ra là hai yếu tố tạo nên đạo đức nghề nghiệp, tài và đức gắn liền với nhau, tạo thành mối liên kết không thể tách rời để hình thành đạo đức nghề nghiệp.

Biểu hiện của việc không độc lập trong xét xử và không tuân theo pháp luật dẫn đến án oan, sai, thiếu công bằng ngoài nguyên nhân do trình độ chuyên môn nghiệp vụ còn có nguyên nhân từ yếu tố đạo đức nghề nghiệp. Không phải các án oan sai đều do chuyên môn nghiệp vụ. Các Thẩm phán - là các cử nhân luật và đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử, có kinh nghiệm thực tiễn, rất am hiểu những quy định của pháp luật nhưng vẫn cố tình áp dụng sai pháp luật vì lý do "tiêu cực".

Nguyên nhân từ việc tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án: Theo luật tổ chức Tòa án thì hiện nay, Tòa án Việt Nam vẫn còn được tổ chức như một cơ quan hành chính nhà nước với cơ cấu tòa cấp trên, cấp dưới. Thẩm phán là người được nhân danh nhà nước để tuyên bố một người có tội hay không có tội nhưng đồng thời họ là những cán bộ công chức, nhân viên dưới sự quản lý của Chánh án đơn vị và thậm chí là Tòa cấp trên. Là một cán bộ công chức, bên cạnh việc thực hiện những nhiệm vụ, quyền hạn do pháp luật quy định, Thẩm phán còn phải chấp hành sự chỉ đạo của Thủ trưởng đơn vị, cũng có những quyền và nghĩa vụ của công chức bình thường, cũng được khen thưởng, bị kỷ luật.

Thủ tục bổ nhiệm Thẩm phán hiện nay cũng là vấn đề ảnh hưởng đến độc lập xét xử của Thẩm phán. Theo quy định hiện hành, thủ tục bắt đầu là việc lấy phiếu tín nhiệm của cơ quan nơi người được xem xét bổ nhiệm công tác, ý kiến của cấp ủy Đảng, của Tòa án cấp trên trực tiếp đưa ra Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán. Việc bổ nhiệm một Thẩm phán qua nhiều cấp, nhiều ngành, nhiều thủ tục, nhiều "cửa" sẽ đảm bảo hơn về chất lượng Thẩm phán. Tuy nhiên, chính nhiều "cửa ải" đó cũng sẽ sinh ra nhiều yếu tố tác động đến Thẩm phán hơn. Thẩm phán được bổ nhiệm khi xét xử cũng phải "nê" nơi đã cân nhắc, xem xét đề nghị bổ sung mình. Nhiệm kỳ của Thẩm phán, Hội thẩm là 5 năm thì quá ngắn, họ chưa thể yên tâm với vị trí của mình, những kinh nghiệm, những bài học rút ra từ mỗi lần xét xử sẽ ít có cơ hội để vận dụng nếu không tái nhiệm. Thời gian như vậy

cũng không đủ để một Thẩm phán có thể vô tư xét xử độc lập mà không phải chịu bất cứ sức ép nào đến hoạt động xét xử của họ, chưa kịp xét xử thì đã hết thời hạn của nhiệm kỳ, lại phải lo lắng để bổ nhiệm nhiệm kỳ sau.

Hội thẩm là những người làm công tác kiêm nhiệm nên không phải lúc nào họ cũng có điều kiện về mặt thời gian để tham gia xét xử. Từ đó xảy ra tình trạng có vị Hội thẩm xét xử quá nhiều, có vị lại xét xử quá ít. Với những vị Hội thẩm tham gia xét xử quá nhiều, áp lực công việc cũng ảnh hưởng đến chất lượng xét xử của họ. Những vị Hội thẩm ít tham gia xét xử thì không có điều kiện trau dồi kiến thức chuyên môn nghiệp vụ lại trở nên rụt rè, thụ động khi tham gia xét xử. Công tác tổ chức tập huấn Hội thẩm cũng chưa được quan tâm đúng mực, tổ chức không thường xuyên, nội dung tập huấn mới chỉ chú trọng vào nội dung của Bộ luật tố tụng hình sự, Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian tập huấn còn quá ngắn. Nội dung kỹ năng xét xử và các văn bản pháp luật khác hầu như không được đề cập đến gây ảnh hưởng đến chất lượng xét xử.

Các nguyên nhân khác:

+ Mỗi quan hệ giữa Đảng và Tòa án. Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và cũng là một thành viên của hệ thống chính trị đó. Tòa án là cơ quan thực hiện chức năng chủ yếu là xét xử. Giữa Tòa án và cơ quan Đảng có mối quan hệ khá chặt chẽ với nhau. Tổ chức cơ sở đảng được thành lập ở các cơ quan trong bộ máy nhà nước trong đó có Tòa án. Bản thân mỗi Thẩm phán là đảng viên, có nghĩa vụ chấp hành Điều lệ và sự phân công của Đảng. Đảng hoạt động trong khuôn khổ của Hiến pháp và pháp luật. Về mặt lý thuyết, Đảng lãnh đạo đất nước và hệ thống chính trị thông qua nghị quyết. Người làm công tác đảng vi phạm pháp luật cũng bị đưa ra xét xử bởi Tòa án như các công dân khác. Tuy nhiên, Chánh án cấp tỉnh thường là tỉnh ủy viên, mà lãnh đạo của các tỉnh ủy viên là Bí thư tỉnh ủy. Về mặt tổ chức, Tòa án không lệ thuộc vào tổ chức cơ quan Đảng nhưng Chánh án vẫn phải sinh hoạt, vẫn phải hoạt động dưới sự chỉ đạo của Bí thư tỉnh ủy. Khi xét xử nhiều vụ án, đặc biệt là các vụ còn phải xin ý kiến của cấp ủy Đảng. Nếu cấp ủy không chí công vô tư thì liệu Thẩm phán - là "cấp dưới" - của Chánh án có dám độc lập xét xử, chỉ tuân theo pháp luật nữa hay không.

+ Sự phát triển của nền kinh tế theo cơ chế thị trường cũng là một trong những tác nhân.

+ Hiện nay, ngành Tòa án vẫn chưa có một quy chế riêng về đạo đức của Thẩm phán và Hội thẩm, chỉ có "Quy tắc ứng xử của cán bộ công chức ngành Tòa án nhân dân". Những quy tắc xử sự trong quy tắc ứng xử cũng chưa thật rõ ràng, đặc trưng đối với hoạt động xét xử, vì vậy, quy chế đạo đức của Thẩm phán và Hội thẩm vẫn là một điều cần thiết. Quy chế đạo đức sẽ là chuẩn mực hướng và buộc Thẩm phán và Hội thẩm phải thực hiện đúng.

+ Chế độ ưu đãi đối với Thẩm phán và Hội thẩm. Đây là một trong những nguyên nhân quan trọng dẫn đến việc vi phạm nguyên tắc.

+ Một số người chưa nhận thức rõ nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập và chỉ tuân theo pháp luật.

2.2. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật"

Trên cơ sở những nguyên nhân đã phân tích ở trên, qua tham khảo các công trình, bài viết trong nước, quy định của pháp luật nước ngoài, cũng như qua một số hoạt động thực tiễn của bản thân trong lĩnh vực xét xử, sau đây tác giả luận văn xin đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" trong hoạt động xét xử.

2.2.1. Về hoàn thiện hệ thống pháp luật

- Hệ thống pháp luật hình sự: Cần hoàn thiện chính sách hình sự và thủ tục tố tụng tư pháp, đề cao hiệu quả phòng ngừa và tính hướng thiện trong việc xử lý người phạm tội. Quy định trách nhiệm hình sự nghiêm khắc hơn đối với những tội phạm là người có thẩm quyền trong thực thi pháp luật, những người lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội. Người có chức vụ càng cao mà lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội thì càng phải xử lý nghiêm khắc để làm gương cho người khác.

+ Bộ luật hình sự: Giảm hình phạt tù, mở rộng áp dụng hình phạt tiền, hình phạt cải tạo không giam giữ đối với một số loại tội phạm, cần xây dựng mức hình phạt ở các khung không cách nhau quá xa, bỏ khoản 2 Điều 46 và bổ sung một số tình tiết giảm nhẹ ở khoản 1 Điều 46. Những tình tiết bổ sung này phải được đúc kết từ thực tiễn áp dụng, phải liên quan đến hành vi phạm tội và phải có tính đặc trưng, điển hình, thực sự là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Các tình tiết phải rõ ràng, những tình tiết phải liên kết với nhau và sử dụng liên từ và nếu độc lập trong cùng một điểm thì sử dụng dấu chấm phẩy (;), tránh trường hợp áp dụng không đúng, suy diễn.

+ Bộ luật tố tụng hình sự cần có những quy định cụ thể hơn về nghị án. Cụ thể Điều 222 Bộ luật tố tụng hình sự quy định lại như sau: *Hội đồng xét xử phải giải quyết tất cả các vấn đề của vụ án như định tội danh, quyết định mức hình phạt, biện pháp chấp hành hình phạt, trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và các vấn đề khác (nếu có) bằng cách biểu quyết từng vấn đề một,...*; về giới hạn xét xử, cần quy định lại theo hướng bỏ đoạn 2 của điều luật, Điều 196 chỉ còn: *Tòa án chỉ xét xử những bị cáo và những hành vi theo tội danh mà Viện kiểm sát truy tố và Tòa án đã quyết định đưa vụ án ra xét xử*; nên bỏ nguyên tắc "Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số" vì nội dung của nguyên tắc này không chỉ được thể hiện ở nguyên tắc tập trung dân chủ trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan nhà nước tại Điều 6 Hiến pháp 1992 (được sửa đổi năm 2001), mà còn được quy định rõ ở điều luật về thực hiện chế độ xét xử có Hội thẩm tham gia (Điều 15), thành phần xét xử sơ thẩm (Điều 185) và xét xử phúc thẩm (Điều 244), quyết định theo đa số (Điều 222) Bộ luật tố tụng hình sự.

- Hệ thống pháp luật dân sự:

+ Bộ luật dân sự: Cần hoàn thiện Bộ luật dân sự, bảo đảm quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khi tham gia giao dịch, thúc đẩy các quan hệ pháp luật dân sự phát triển lành mạnh; hoàn thiện chế định hợp đồng, bồi thường, bồi hoàn...

+ Bộ luật tố tụng dân sự: tiếp tục hoàn thiện thủ tục tố tụng dân sự, nghiên cứu thực hiện và phát triển các loại dịch vụ từ phía Nhà nước để tạo điều kiện cho các đương sự chủ động thu thập chứng cứ, chứng minh, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Đổi mới thủ tục hành chính trong các cơ quan tư pháp nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tiếp cận công lý; người dân nộp đơn đến Tòa án, Tòa án có trách nhiệm nhận và thụ lý đơn. Khuyến khích việc giải quyết một số tranh chấp thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài, Tòa án hỗ trợ bằng quyết định công nhận việc giải quyết đó.

- Mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án đối với các khiếu kiện hành chính. Đổi mới mạnh mẽ thủ tục giải quyết các khiếu kiện hành chính tại Tòa án; tạo điều kiện thuận lợi cho người dân tham gia tố tụng, bảo đảm sự bình đẳng giữa công dân và cơ quan công quyền trước Tòa án.

- Từng bước thực hiện việc công khai hóa các bản án, trừ những bản án hình sự về tội phạm xâm phạm an ninh quốc gia hoặc liên quan đến thuần phong mỹ tục. Xây dựng cơ chế bảo đảm mọi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật phải được thi hành, các cơ quan hành chính vi phạm bị xử lý theo phán quyết của Tòa án phải nghiêm chỉnh chấp hành.

- Cần có một cơ chế pháp lý hoàn chỉnh, rõ ràng và thống nhất để tạo cơ sở cho Thẩm phán và Hội thẩm khi xét xử chỉ tuân theo pháp luật.

- Cần có những văn bản hướng dẫn kịp thời để có cách áp dụng pháp luật thống nhất trong xét xử. Xây dựng hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, không chồng chéo, mâu thuẫn với nhau; các văn bản hướng dẫn thi hành và giải thích luật phải kịp thời. Có như vậy mới tạo điều kiện cho Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân khi xét xử có cơ sở pháp lý vững chắc và chỉ tuân theo pháp luật.

2.2.2. Về trình độ chuyên môn nghiệp vụ

- Về trình độ nghiệp vụ của Thẩm phán: Tán thành tiêu chuẩn bổ nhiệm Thẩm phán như quy định tại Luật tổ chức Tòa án, Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân và quy chế bổ nhiệm Thẩm phán của ngành Tòa án. Thẩm phán phải là những người có trình độ Cử nhân Luật được đào tạo chính quy, đã được đào tạo nghiệp vụ xét xử, có thời gian làm công tác pháp luật từ 4 năm trở lên có năng lực xét xử những vụ án và giải quyết những việc khác thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định của pháp luật tố tụng, thì có thể được tuyển chọn và bổ nhiệm làm Thẩm phán sơ cấp thuộc Tòa án nhân dân và đối với Thẩm phán trung cấp, ngoài các quy định trên, còn phải đáp ứng điều kiện: đã là Thẩm phán sơ cấp ít nhất là 5 năm, còn đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, phải đáp ứng điều kiện: đã là Thẩm phán trung cấp ít nhất là 5 năm.

- Đối với Hội thẩm, xuất phát từ ý nghĩa của chế định Hội thẩm là sự tham gia giám sát của nhân dân đối với hoạt động xét xử của Thẩm phán, mặc dù luật quy định Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán nhưng không nhất thiết trình độ chuyên môn nghiệp vụ phải tương đương Thẩm phán. Hội thẩm phải có kiến thức pháp luật nhất định về định tội danh, về quyết định hình phạt,... Những kiến thức này được bổ sung cho Hội thẩm qua công tác tập huấn. Kết hợp giữa tập huấn luật nội dung và kỹ năng xét xử. Hội thẩm cần được trang bị các bộ luật, các Nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán và các thông tư có liên quan đến việc giải thích, hướng dẫn, áp dụng pháp luật. Hội thẩm phải được cung cấp thông tin về hoạt động xét xử và các kiến thức pháp luật.

2.2.3. Về đạo đức Thẩm phán và Hội thẩm

Các Thẩm phán phải được đào tạo chuẩn (có trình độ tốt nghiệp đại học và trên đại học chuyên ngành luật) và thường xuyên được cập nhật những kiến thức mới về tin học, ngoại ngữ, pháp luật quốc tế... Đồng thời, có tinh thần dũng cảm, dám đấu tranh cho sự công bằng, bảo vệ lẽ phải. Chỉ khi Thẩm phán có một trình độ chuyên môn cao với cái tâm trong sáng, tôn trọng sự công bằng, thì họ mới không bị chi phối bởi những suy nghĩ lệch lạc hoặc những tác động bên ngoài mang tính chất vụ lợi cá nhân.

Đạo đức của Thẩm phán và Hội thẩm phải được hình thành trước khi họ là Thẩm phán, Hội thẩm, nghĩa là những người được xem xét để bổ nhiệm Thẩm phán phải là những Thư ký giỏi về kiến thức chuyên môn và có đạo đức, bản lĩnh; người được chọn bầu làm Hội thẩm nhân dân phải là những công dân có đạo đức tốt, có năng lực, tận tụy với công việc và có uy tín trước quần chúng nhân dân.

Tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ Tòa án, biểu dương những Thẩm phán, Hội thẩm mẫu mực, dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm với nghề nghiệp. Ngành Tòa án cũng cần ban hành quy chế về đạo đức Thẩm phán và Hội thẩm quy định về những ứng xử mà Thẩm phán và Hội thẩm phải làm.

Ngành Tòa án cũng cần chú trọng hơn nữa đến công tác giáo dục chính trị tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, đặc biệt là các Thẩm phán.

2.2.4. Về tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án

Tổ chức Tòa án theo mô hình mới sẽ tạo cho ngành Tòa án không theo cơ quan hành chính "cấp trên, cấp dưới" mà được tổ chức theo thẩm quyền vụ việc, không có sự phụ thuộc nhau giữa Tòa án các cấp, giảm bớt được áp lực về tâm lý cho Thẩm phán khi tiến hành hoạt động xét xử. Nhiệm kỳ bổ nhiệm Thẩm phán hiện tại cũng nên thay đổi theo hướng kéo dài thời gian bổ nhiệm từ 10-15 năm và từng bước có thể là bổ nhiệm vĩnh viễn. Thủ tục bổ nhiệm Thẩm phán cũng nên đơn giản theo hướng thi tuyển, (thay vì lấy phiếu tín nhiệm, lấy ý kiến của cấp ủy Đảng, theo tuyển chọn của Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán). Đổi mới quy trình bổ nhiệm Thẩm phán theo hướng rút ngắn thủ tục, giảm sự can thiệp của các cơ quan chính quyền địa phương là hết sức cần thiết.

Việc bổ nhiệm Hội thẩm cũng cần được xem xét lại. Vì Hội thẩm là những người đại diện cho nhân dân tham gia giám sát hoạt động của Tòa án và xét xử người thực hiện hành vi phạm tội dưới góc độ của đông đảo nhân dân chứ không phải dưới góc độ Thẩm phán chuyên nghiệp. Bởi vậy, Hội thẩm phải do nhân dân bầu chọn một cách công khai, dân chủ trên cơ sở lựa chọn những người có đủ tiêu chuẩn, năng lực, tham gia xét xử. Ngành Tòa án cũng cần có sự quản lý chặt chẽ hơn đối với đội ngũ Hội thẩm.

Ngành Tòa án nên bỏ hình thức họp bàn án trong nội bộ cơ quan cũng như họp ba ngành (cho dù đó là hình thức để củng cố chứng cứ như quan niệm xưa nay ngành vẫn làm vì chứng cứ cần được đánh giá độc lập, cơ quan này không phụ thuộc vào cơ quan kia đặc biệt là Tòa án xét xử không phụ thuộc vào kết luận của cơ quan điều tra hoặc cáo trạng của Viện kiểm sát); Bỏ hình thức thỉnh thị án cấp trên, duyệt án, cho đường lối.

Phải gắn trách nhiệm của Hội đồng xét xử trước những án oan phải nặng hơn nữa.

2.2.5. Về các giải pháp khác

- Nâng cao nhận thức của các cá nhân khác về nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật".

- Đảng và Nhà nước cần có sự quan tâm về vật chất hơn đối với ngành Tòa án nói chung và cán bộ Tòa án nói riêng.

- Cần phải xác định phạm vi lãnh đạo của Đảng và Hiến định các quy định tổ chức và hoạt động của Đảng để đảm bảo tôn trọng nguyên tắc Thẩm phán và Hội thẩm xét xử độc lập, tuân theo pháp luật.

- Xây dựng và củng cố các cơ quan, tổ chức, bổ trợ tư pháp vững mạnh.

KẾT LUẬN

1. Mục đích cao nhất của việc xét xử vụ án hình sự là xét xử khách quan, đúng người, đúng tội, áp dụng đúng pháp luật. Muốn vậy hoạt động xét xử phải được định hướng, phải được chỉ đạo bằng các nguyên tắc trong pháp luật tố tụng. Một nguyên tắc đặc trưng, chung nhất đảm bảo cho việc xét xử khách quan, chính xác được ghi nhận trong hầu hết pháp luật các nước trên thế giới đó là nguyên tắc "độc lập xét xử". Nhìn lại lịch sử hình thành và phát triển của nguyên tắc trong pháp luật nước ta và các nước trên thế giới, vai trò, ý nghĩa của nó đối với hoạt động xét xử. Một lần nữa khẳng định sự tồn tại của nguyên tắc tố tụng hình sự là một tất yếu, khách quan. Đây thực sự là một sản phẩm của hoạt động lập pháp có nhiều giá trị và tiến bộ mà kiêu nhà nước phong kiến và trước đó không có.

2. Nguyên tắc độc lập xét xử là một nguyên tắc quan trọng của pháp luật tố tụng mà những người tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng phải tôn trọng. Nguyên tắc độc lập xét xử được ghi nhận trong Hiến pháp

và các văn bản quy phạm pháp luật khác như là một trong những yếu tố không thể thiếu được của một nhà nước pháp quyền, là công cụ cần thiết để bảo vệ quyền con người. Nguyên tắc này thể tư tưởng, quan điểm của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Trên cơ sở sự độc lập của ba hệ thống lập pháp, hành pháp và tư pháp tất yếu dẫn đến sự độc lập của Thẩm phán và Hội thẩm.

3. Trên cơ sở nghiên cứu đặc điểm của hoạt động xét xử, luận văn đã làm rõ một số vấn đề lý luận về thuật ngữ "độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" khi xét xử. Trên cơ sở đó, đưa ra khái niệm khoa học về nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong tố tụng hình sự. Làm rõ nội dung nguyên tắc, mối quan hệ giữa tính độc lập và chỉ tuân theo pháp luật trong hoạt động xét xử.

4. Nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật có ý nghĩa pháp lý, ý nghĩa chính trị, xã hội và ý nghĩa đối với hoạt động thực tiễn sâu sắc. Nguyên tắc là cơ sở pháp lý để Thẩm phán và Hội thẩm tiến hành hoạt động xét xử được khách quan, đúng pháp luật, hiến pháp và pháp luật được tuân thủ nghiêm túc. Nguyên tắc khẳng định vai trò, vị trí của cơ quan Tòa án trong hệ thống cơ quan nhà nước, chỉ có Tòa án mới có quyền xét xử và khi xét xử Thẩm phán, Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật, không một cá nhân nào được phép can thiệp vào hoạt động xét xử của Tòa án. Nguyên tắc gián tiếp thể hiện bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước do dân làm chủ, nhân dân tham gia giám sát các hoạt động của nhà nước, trong đó có hoạt động xét xử. Kết quả của hoạt động xét xử khách quan, đúng pháp luật là quyết định, bản án đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhà nước, đảm bảo lợi ích của công dân khi tham gia tố tụng. Từ đó, củng cố lòng tin của nhân dân vào hoạt động xét xử của Tòa án, nâng cao uy tín của Tòa án nói riêng và cơ quan tiến hành tố tụng nói chung.

5. Về cơ bản, việc quy định nguyên tắc Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật đã đáp ứng được nhu cầu đối với hoạt động xét xử, hạn chế việc xử oan, xử sai. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành nguyên tắc trên còn có những hạn chế như hiện tượng Thẩm phán và Hội thẩm không độc lập xét xử, pháp luật không phải là căn cứ duy nhất để ra bản án quyết định; Còn có quá nhiều sự tác động đến hoạt động xét xử, thiếu khách quan, ảnh hưởng tính pháp chế xã hội chủ nghĩa.

6. Nguyên nhân của những hạn chế trên bao gồm hệ thống pháp luật chưa rõ ràng, hoàn chỉnh và thiếu sự thống nhất giữa các quy phạm pháp luật, việc giải thích hướng dẫn, áp dụng pháp luật chưa kịp thời, đội ngũ làm công tác xét xử vẫn còn nhiều hạn chế về trình độ chuyên môn nghiệp vụ, có vấn đề về đạo đức nghề nghiệp, cơ cấu tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án có nhiều điểm chưa phù hợp, sự đầu tư của nhà nước đối với ngành Tòa án là chưa thỏa đáng. Ngoài ra, còn một số nguyên nhân khác của cơ chế thị trường, chế độ chính trị,...

7. Để nâng cao hiệu quả của việc thực hiện nguyên tắc cần có những giải pháp đồng bộ, khả thi. Các giải pháp này cần phải xác định phù hợp với yêu cầu của cải cách tư pháp, quan điểm về nhà nước pháp quyền được đề ra trong chủ trương chính sách của Đảng đó là hoàn thiện hệ thống pháp luật theo hướng quy định của pháp luật phải rõ ràng, đảm bảo tính chính xác khi áp dụng, các quy định pháp luật phải thống nhất, không mâu thuẫn, không mâu thuẫn với nhau, cần có những quy phạm pháp luật với chế tài nghiêm khắc để xử lý những biểu hiện tác động đến hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm; Không ngừng nâng cao trình độ nâng cao nghiệp vụ cho đội ngũ Thẩm phán và Hội thẩm, nâng cao tinh thần, trách nhiệm và bồi dưỡng đạo đức nghề nghiệp để đảm bảo đội ngũ Thẩm phán "vừa hồng, vừa chuyên"; Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án, đảm bảo việc xét xử phải thực sự độc lập, không có bất cứ sự ràng buộc làm ảnh hưởng đến tính khách quan trong hoạt động xét xử; Tăng cường công tác tuyên

truyền, giải thích pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật nói chung và ý thức về nguyên tắc độc lập xét xử nói riêng; Nhà nước cần có sự đầu tư quan tâm hơn nữa đến hoạt động xét xử.

Xây dựng và hoàn thiện nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam là một nhiệm vụ cơ bản, quan trọng và lâu dài của hệ thống chính trị, riêng trong lĩnh vực tư pháp, chúng ta sẽ không nói đến một nhà nước pháp quyền thực sự, của dân, do dân và vì dân nếu còn nhiều người dân chịu oan ức bất công hoặc tính mạng, tài sản và danh dự của họ bị xâm hại bởi những quyết định không công bằng, trái pháp luật của cơ quan tư pháp, trong đó có bản án, quyết định của Tòa án. Tuân thủ nguyên tắc "Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân độc lập và chỉ tuân theo pháp luật". Ngoài ý nghĩa đảm bảo hoạt động xét xử vô tư, khách quan, đúng pháp luật, bảo vệ quyền và lợi ích của nhân dân, bảo vệ công lý còn góp phần tích cực vào tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, phải củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân và sự nghiệp xây dựng phát triển đất nước.